

Bản án số: 107/2017/HNGĐ-ST

Ngày 22-12-2017

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU,  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Trung Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đặng Ngọc Thương

Ông Đặng Song Hoàn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Lương Ngọc Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 408/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2017 về việc ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13-11-2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2017/QĐST-HNGĐ ngày 01-12-2017 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1968

Hộ khẩu thường trú: đường X, Phường Y, thành phố V, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu;

Địa chỉ: đường M, Phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

**- Bị đơn:** Ông Phan Thanh B, sinh năm 1955

Hộ khẩu thường trú: đường X, Phường Y, thành phố V, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu;

Địa chỉ: đường O, Phường P, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:*

Bà H và ông Phan Thanh B kết hôn có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Y, Đặc khu Vũng Tàu Côn Đảo vào ngày 20-7-1990. Trong quá trình chung sống tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Phan Thanh B;
- Về nuôi con: Bà và ông B có 02 con chung là Phan Bình M, sinh năm 1991 (đã trưởng thành); Phan Hồng N, sinh ngày 07-9-2004. Cháu M đã trưởng thành nên bà không yêu cầu tòa án giải quyết việc nuôi con. Cháu N đang sống với ông B vì vậy bà nhường quyền nuôi cháu N cho ông B và bà tự nguyện cấp nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Thanh B mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không cung cấp chứng cứ mới.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến, cho rằng:* Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hôn nhân của bà H và ông B là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn gia đình giữa bà H và ông B là trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H. Về con chung: 02 con chung là Phan Bình M, sinh năm 1991 (đã trưởng thành); Phan Hồng N sinh ngày 07-9-2004. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao cho ông B được quyền nuôi dưỡng con chung là Phan Hồng N. Bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Kim H yêu cầu ly hôn với ông Phan Thanh B có địa chỉ cư trú tại thành phố Vũng Tàu. Căn cứ Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Bị đơn ông Phan Thanh B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa, nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B.

[2] Về nội dung:

Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Phan Thanh B tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà H thì nguyên nhân mâu thuẫn do kinh tế gia đình rất khó khăn, hai vợ chồng phải thuê nhà nên rất thiếu tiền bạc. Nhưng ông B không chịu đi làm để lo kinh tế gia đình mà để một mình bà đi làm thuê. Ông B không cảm thông, chia sẻ và cũng không hề có ý định đi làm một công việc gì đó để phụ giúp cho vợ con. Khoảng tháng 6 năm 2015 do xích mích về vấn đề kinh tế nên bà và ông B cãi nhau rất to tiếng và bà bỏ về nhà mẹ đẻ ở đường M, Phường N, thành phố V để sinh sống còn ông B và cháu N sống ở tại đường O, Phường P, thành phố V, vợ chồng ly thân với nhau từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân bà và ông B không liên lạc với nhau, không còn sự hỏi thăm, quan tâm chăm sóc đến cuộc sống riêng của nhau, cả hai người đều không còn tình nghĩa vợ chồng với nhau.

Theo xác minh tại địa phương thì do bà Nguyễn Thị Kim H và ông Phan Thanh B thuê trọ tại địa chỉ đường O, Phường P, thành phố V và khi về địa chỉ này sinh sống thì bà H, ông B cũng không báo cáo gì với địa phương nên tổ trưởng dân phố không biết được mâu thuẫn vợ chồng của ông B, bà H. Tuy nhiên trên thực tế bà H và ông B đã ly thân hơn 02 năm nay, bà H sống ở nhà mẹ đẻ còn ông B và cháu N sống ở địa chỉ đường O, Phường P, thành phố V. Và theo lời khai của cháu N thì cháu cũng xác định vào giữa năm 2015 bố mẹ cháu mâu thuẫn về vấn đề kinh tế nên cãi nhau rất to tiếng và mẹ cháu bỏ về sống với bà ngoại còn cháu và bố sống tại địa chỉ đường O, Phường P, thành phố V, bố mẹ cháu đã ly thân hơn hai năm nay và không còn liên lạc với nhau và không quan tâm đến nhau.

Xét mâu thuẫn xảy ra trong quan hệ vợ chồng bà H, ông B là có thật, vợ chồng cũng nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không có khả năng hàn gắn tình cảm. Do vậy, mâu thuẫn hôn nhân là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp.

Về nuôi con: Ông B và bà H có 02 con chung là Phan Bình M, sinh năm 1991 (đã trưởng thành) và Phan Hồng N, sinh ngày 07-9-2004.

Bà H không yêu cầu tòa án giải quyết việc nuôi con đối với cháu Minh nên không xem xét.

Cháu N có nguyện vọng ở với bố. Từ khi bà H, ông B ly thân thì cháu N sống với ông B và ông B nuôi dưỡng, chăm sóc cháu rất tốt về các điều kiện sinh hoạt, học tập. Theo lời khai của cháu N thì cháu xác định từ khi bố mẹ ly thân thì cháu sống với bố và bố cháu chăm sóc cháu rất tốt và chu đáo. Hiện nay bố cháu làm bảo vệ thu nhập cũng đủ để nuôi cháu, hàng tháng mẹ cháu vẫn phụ thêm tiền cho bố cháu để chi phí sinh hoạt. Do đó, nên giao cháu N cho ông B nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, nên ghi nhận sự tự nguyện của bà H.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016-UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 28, Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 19; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim H ly hôn với ông Phan Thanh B .

2. Về nuôi con: Bà H và ông B có 02 con chung là Phan Bình M, sinh năm 1991 và Phan Hồng N, sinh ngày 07-9-2004.

Cháu M đã trưởng thành, bà H không yêu cầu quyết việc nuôi con nên không xem xét.

Ông Phan Thanh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Hồng N.

Bà Nguyễn Thị Kim H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003924 ngày 28-4-2017. Bà H còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- UBND Phường Y, Tp. Vũng Tàu;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Trung Dũng**